

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT

**ĐẶC ĐIỂM TỪ NGỮ
NGHỀ BÁNH XÚ QUẢNG**

CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ HỌC

Mã số: 60. 22. 01

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Đà Nẵng - 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Trương Thị Diễm**

Phản biện 1: GS. TS. Nguyễn Văn Hiệp

Phản biện 2: TS. Lê Đức Luận

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Khoa học xã hội và nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 25 tháng 05 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Với mỗi dân tộc, văn hóa là một tài sản vô cùng quý giá. Đời sống văn hóa của mỗi dân tộc được thể hiện hết sức đa dạng, bao gồm cả văn hóa tinh thần và văn hóa vật chất. Ta đọc được tâm hồn của một dân tộc không chỉ qua một làn điệu dân ca, một phong tục tập quán nào đó mà còn qua từng cái cách mà người dân nước đó ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội để sinh tồn. Và đến với những sản phẩm lao động thủ công - sản phẩm vừa có giá trị vật chất, vừa có giá trị tinh thần - chúng ta ít nhiều đọc được đời sống văn hóa của người dân ở một vùng đất. Ngày nay, trong cơ chế thị trường, nếu ta không khéo giữ gìn những tài sản văn hóa này thì nó có nguy cơ bị mai một. Vì lẽ trên, chúng tôi chọn nghiên cứu vốn từ vựng nghề bánh xứ Quảng với mong muốn góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa của một vùng đất nằm trên dải đất miền Trung này. Hơn nữa, từ ngữ nghề bánh là một phần đặc sắc của văn hóa ẩm thực, một mảng văn hóa vốn được nhiều người quan tâm từ trước đến nay.

Là một tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung bộ Việt Nam, còn lưu giữ nhiều dấu tích của nền Văn hóa Chăm-pa, lại nằm ở trung điểm cả nước theo trục Bắc - Nam, Quảng Nam là nơi giao hòa của những sắc thái văn hóa giữa hai miền và giao lưu văn hóa với bên ngoài. Chính điều này đã góp phần làm cho Quảng Nam vừa giàu có vừa độc đáo về bản sắc văn hóa.

Trải qua hàng trăm năm, nghề và làng nghề đã tồn tại, phát triển ở Quảng Nam như một phần không thể tách rời lịch sử mỗi làng quê, thôn xóm của vùng đất này. Đặc biệt, nghề bánh mà những hoạt động và sản phẩm của nó đã ăn sâu vào đời sống cộng

đồng, vào tâm thức của mỗi người nhất là những người con xa xứ vào mỗi độ xuân về.

Tuy nhiên, có một thực tế hiện nay là người biết làm bánh tại xứ Quảng không còn nhiều, lớp trẻ hầu như không có nhu cầu học nghề bánh và có xu hướng chuyển sang các ngành nghề hợp thời hơn. Hệ quả của điều này là từ ngữ nghề bánh xứ Quảng đang có xu hướng đi dần vào nhóm từ vựng tiêu cực, nếu không tiến hành sưu tầm, nghiên cứu kịp thời thì nguy cơ mất hẳn những hiểu biết về nhóm từ vựng này là điều không thể tránh khỏi.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Lao động sản xuất xã hội đã hình thành nhiều nghề khác nhau. Mỗi nghề xuất hiện những lớp từ ngữ riêng gắn với đặc điểm riêng của từng ngành nghề. Những lớp từ ngữ này thường được những người cùng trong nghề đó biết và sử dụng. Những người ngoài nghề chỉ có thể biết những từ ngữ nghề nghiệp hết sức thông dụng, còn đối với những từ ngữ chuyên sâu thì đối với họ thật khó hiểu hoặc hoàn toàn xa lạ.

Trong thời đại hội nhập ngày nay, việc nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp để tiến tới xây dựng các từ điển ngành nghề là một yêu cầu bức thiết. Đặc biệt, nghề bánh lại là một trong những nghề truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa. Cho nên, chúng tôi đã tiến hành sưu tầm nhóm **từ vựng nghề bánh xứ Quảng** với mục đích: tìm ra những đặc điểm về hình thức, giá trị ngữ nghĩa của chúng để từ đó có thể tái hiện lại một phần lời ăn tiếng nói của người Quảng Nam trong quá khứ, tìm ra những nét tương đồng và dị biệt trong cách sử dụng ngôn ngữ địa phương so với ngôn ngữ toàn dân; những sáng tạo của người Quảng trong quá trình định danh các sự vật và các hoạt động trong lao động sản xuất.

Nhưng trước hết, đóng góp mà luận văn có thể mang lại là cung cấp nguồn ngữ liệu - một hệ thống từ ngữ về nghề bánh xứ Quảng - cho các nhà nghiên cứu ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam nói chung và ngôn ngữ, văn hóa địa phương Quảng Nam nói riêng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đối tượng khảo sát của đề tài là tất cả các từ ngữ được sử dụng trong sản xuất và các hoạt động văn hóa xã hội có liên quan đến nghề bánh tại Quảng Nam dưới dạng truyền miệng lẫn dạng viết.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đề tài sẽ tiến hành nghiên cứu từ ngữ nghề bánh xứ Quảng (xứ Quảng theo cách hiểu của chúng tôi là Quảng Nam – Đà Nẵng) trên bình diện hình thức lẫn nội dung. Trong đó:

+ *Về hình thức*: Tập trung tìm hiểu đặc trưng về cấu tạo ngữ âm, ngữ pháp của các đơn vị từ vựng đang khảo sát.

+ *Về nội dung*: Tìm hiểu các phạm trù ngữ nghĩa trong hệ thống từ vựng đang khảo sát, quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ trong cùng một phạm trù ngữ nghĩa cũng như giữa các phạm trù với nhau. Đề tài cũng lưu ý đến các phương thức chuyển nghĩa, các hiện tượng đồng nghĩa, đa nghĩa, đồng âm khác nghĩa... Từ việc phân tích ngữ nghĩa, đề tài sẽ làm nổi bật đặc trưng văn hóa, tư duy của người bản địa.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài, chúng tôi sử dụng hai phương pháp nghiên cứu cơ bản là:

4.1. Thống kê miêu tả

Chúng tôi quan niệm từ ngữ nghề bánh xứ Quảng là một hệ thống với nhiều đơn vị từ ngữ khác nhau. Các đơn vị trong hệ thống phải được miêu tả một cách đầy đủ ở các cấp độ, các bình diện của

chúng: ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, mối quan hệ về nghĩa giữa các đơn vị từ vựng, v.v...

Trước khi miêu tả, chúng tôi tiến hành thu thập, thống kê ngữ liệu. Để có được những tư liệu cần thiết, ngoài nguồn tài liệu là các văn bản, các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, chúng tôi tiến hành điền dã, phỏng vấn người dân địa phương.

4.2. So sánh đối chiếu

Sử dụng phương pháp này, chúng tôi tiến hành so sánh nhóm từ ngữ đang khảo sát với từ ngữ địa phương, từ ngữ toàn dân nhằm chỉ ra sự giống nhau và khác nhau giữa chúng.

Bên cạnh đó, chúng tôi còn kết hợp sử dụng *phương pháp phân loại, phương pháp tổng hợp, khái quát* để thực hiện luận văn này. Ngoài ra, đề tài còn vận dụng kết quả nghiên cứu của các ngành: văn hóa học, lịch sử, tâm lí học ... để nhằm làm sáng tỏ hơn các vấn đề của đề tài.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần *Mở đầu* và *Kết luận*, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung

Chương 2: Thống kê và phân loại lớp từ ngữ nghề bánh xír Quảng

Chương 3: Đặc điểm ngữ nghĩa của lớp từ ngữ nghề bánh xír Quảng

Ngoài ra, luận văn còn có phần phụ lục giải nghĩa từ ngữ nghề bánh xír Quảng trên cơ sở tổng hợp từ cách giải thích của người dân địa phương và của các nhà nghiên cứu đi trước. Bên cạnh đó, để dễ dàng hơn trong việc nhận diện hệ thống từ ngữ,

chúng tôi còn cung cấp những hình ảnh về các loại bánh và một số hoạt động làm các loại bánh xứ Quảng.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Từ sau Cách mạng Tháng Tám, bộ môn Ngôn ngữ học đã được hình thành, vấn đề từ vựng tiếng Việt được nghiên cứu một cách toàn diện hơn và ngày càng có nhiều công trình nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng về từ vựng.

Về mặt lý thuyết, cho đến nay, hầu hết các sách, giáo trình liên quan đến từ vựng học ở Việt Nam đều ít nhiều đề cập đến khái niệm và đặc điểm của từ ngữ nghề nghiệp. Có thể kể đến công trình của các tác giả như: Nguyễn Văn Tu (Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại - 1976), Đỗ Hữu Châu (Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt - 1981), Nguyễn Thiện Giáp (Từ vựng tiếng Việt - 1976 và Từ vựng học tiếng Việt - 1985), Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt - 1990)... Song, nhìn chung, những công trình kể trên chỉ đề cập đến từ ngữ nghề nghiệp trên phương diện lý thuyết và cũng chỉ dừng lại ở việc đưa ra khái niệm về từ ngữ nghề nghiệp và so sánh nó với thuật ngữ và biệt ngữ ... chứ chưa đi sâu vào khảo sát nhóm từ ngữ đặc biệt này.

Trong cuốn “Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt” (1981), tác giả Đỗ Hữu Châu đã viết: *“Từ ngữ nghề nghiệp nó chẳng những cần thiết cho sự giao tiếp của từng ngành nghề mà còn cần thiết cho mọi người khi cần diễn đạt một cách chính xác, sinh động, ngắn gọn về những sản phẩm, sự kiện và hoạt động của xã hội”* và *“từ ngữ nghề nghiệp là một sáng tạo về ngôn ngữ của đại đa số nhân dân lao động”* nên việc nghiên cứu vốn từ ngữ nghề nghiệp là một thực tế cần thiết và cấp bách.

Những năm trở lại đây, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu thực tiễn về từ ngữ nghề nghiệp, tập trung vào các nghề truyền thống của người Việt như: *nghề góm, nghề mộc, nghề cá, nghề nước mắm, nghề trồng lúa...* Tuy nhiên, chúng tôi vẫn chưa tiếp cận được công trình nào nghiên cứu về từ ngữ nghề bánh. Nếu có thì từ ngữ nghề bánh cũng chỉ được nhắc đến nhằm làm nổi bật cho các mục đích nghiên cứu thuộc lĩnh vực văn hóa, lịch sử hoặc dân tộc học như “*Bàn về tên bánh dưới góc nhìn ngôn ngữ và văn hóa*” của Hoàng Kim Ngọc.

Luận văn này của chúng tôi có thể xem là công trình đầu tiên nghiên cứu có hệ thống về từ vựng nghề bánh xứ Quảng.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1.1. TỪ VÀ NGỮ TRONG TIẾNG VIỆT

1.1.1. Khái niệm từ

- Nêu lại những khái niệm và định nghĩa về từ.
- Để nhận diện từ khi thống kê và khảo sát trong luận văn, chúng tôi dựa vào các tiêu chí sau: *Từ là đơn vị ngôn ngữ gồm một hoặc một số âm tiết; có tính hoàn chỉnh về ngữ nghĩa; từ là đơn vị mang nghĩa; có tính hoàn chỉnh về cấu tạo; có tính độc lập về cú pháp.*

1.1.2. Khái niệm ngữ

- Nêu lại những khái niệm và định nghĩa về ngữ.
- Trong giới hạn của đề tài, để thuận tiện cho quá trình phân loại, thống kê "*từ ngữ nghề bánh xír Quảng*", "*từ ngữ*" mà chúng tôi khảo sát ở đây bao gồm "*từ*" và "*ngữ định danh*".

1.1.3. Ngữ nghĩa học cấu trúc và lí thuyết trường từ vựng ngữ nghĩa

- Nêu những khái niệm về ngữ nghĩa và trường từ vựng ngữ nghĩa.
- Vấn đề *lí thuyết trường ngữ nghĩa* là "*sự cụ thể hóa lí thuyết về tính hệ thống của ngôn ngữ trong lĩnh vực từ vựng*"[9, tr.250], nó được thừa nhận là một mô hình nghiên cứu có hiệu quả của ngữ nghĩa học miêu tả. Tuy nhiên vấn đề đưa ra một tiêu chí để xác lập trường có hiệu lực để miêu tả một khối từ vựng nhất định lại không phải lúc nào cũng rõ ràng. Vì vậy, xếp một từ, ngữ nào đó vào trường nghĩa này hay trường nghĩa kia, chỉ mang tính tương đối.

1.2. TỪ NGỮ NGHỀ NGHIỆP

1.2.1. Khái niệm từ ngữ nghề nghiệp

- Nêu những khái niệm về từ ngữ nghề nghiệp.

- Từ ngữ nghề nghiệp là nguồn từ vựng vô cùng phong phú.

Nó nằm trong vốn từ vựng văn hóa và là nguồn dự trữ bổ sung làm giàu thêm cho kho từ vựng toàn dân. Chúng tôi thực hiện đề tài này cũng chính là để khai thác sự phong phú và đa dạng của vốn từ chỉ nghề nghiệp.

1.2.2. Đặc điểm của từ ngữ nghề nghiệp

Đặc điểm của *từ ngữ nghề nghiệp* thường được nhận diện qua việc so sánh với *tiếng lóng*, *thuật ngữ khoa học* bởi những mối quan hệ mật thiết giữa chúng. Chúng tôi sẽ lần lượt tìm hiểu về đối tượng, phạm vi và chức năng sử dụng từ ngữ nghề nghiệp trong mối liên hệ với *tiếng lóng* và *thuật ngữ khoa học* để làm nổi bật đặc điểm của lớp từ vựng này.

a. Đối tượng sử dụng từ ngữ nghề nghiệp

- Tương tự *thuật ngữ khoa học*, *từ ngữ nghề nghiệp* chủ yếu do những người cùng một ngành chuyên môn nào đó sử dụng.

- So sánh *từ ngữ nghề nghiệp* với *thuật ngữ khoa học* và *tiếng lóng* để thấy được sự khác nhau ở đối tượng sử dụng.

b. Chức năng của từ ngữ nghề nghiệp

Chức năng nổi bật của *từ ngữ nghề nghiệp* là giúp những người đồng nghiệp có thể dễ dàng truyền đạt thông điệp cho nhau khi cần sự cộng tác, giúp đỡ, điều hành công việc hoặc truyền nghề. Dù không thường xuyên, *từ ngữ nghề nghiệp* còn có thể được sử dụng như một rào cản để những người ngoài nghề không thể hiểu được một số thứ, liên quan đến bí quyết nghề nghiệp.

c. Quan hệ giữa từ ngữ nghề nghiệp và từ toàn dân

Nhìn chung, *từ ngữ nghề nghiệp* cũng chịu sự chi phối của quy luật ngữ âm, cấu tạo từ và quy luật ngữ pháp của từng ngôn ngữ.

Điểm chung giữa chúng là: tất cả các lớp từ nói trên đều thuộc về vốn từ tiếng Việt. Bên cạnh đó nó cũng có một số đặc điểm riêng.

1.3. VÀI NÉT VỀ XỨ QUẢNG VÀ NGHỀ LÀM BÁNH XỨ QUẢNG

1.3.1. Lịch sử hình thành xứ Quảng

Năm 1306, Huyền Trân công chúa (nước Đại Việt) kết duyên cùng Chế Mân (nước Chiêm Thành), cuộc hôn nhân này đã đem về cho Đại Việt một lãnh thổ rộng lớn là Thuận Châu và Hóa Châu. Quảng Nam và Đà Nẵng bấy giờ là phần đất thuộc Hóa Châu. Sau khi sáp nhập vào Đại Việt (1306-1471), từ phía nam Hải Vân trở vào vẫn là miền biên viễn, luôn bị quấy nhiễu và cướp phá. Chỉ sau cuộc xuất chinh vĩ đại bình Chiêm của Lê Thánh Tông (1470) vùng đất này mới được bình ổn, biên cương Đại Việt được mở rộng đến Mũi Nạy và bắt đầu có những cuộc khai phá mở mang.

Tháng 6 năm 1471, sau khi chiếm vùng đất phía Nam Thuận Hóa cho đến đèo Cù Mông, vua Lê Thánh Tông lập thêm đơn vị hành chính thứ 13 - Thừa Tuyên Quảng Nam gồm 3 phủ: Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhơn (nay là Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định). Danh xưng Quảng Nam xuất hiện từ đây.

Sau khi xâm chiếm toàn bộ đất nước ta vào năm 1889, thực dân Pháp tách Đà Nẵng khỏi Quảng Nam và đổi tên thành Tourane, chịu sự cai quản trực tiếp của Toàn quyền Đông Dương.

1.3.2. Nghề làm bánh xứ Quảng

Từ đặc điểm hình thành hết sức đặc biệt của vùng đất Quảng Nam - Đà Nẵng, các làng nghề truyền thống ở đây (trong đó có nghề làm bánh) đã hình thành và mang những nét đặc trưng khác lạ so với nhiều vùng quê khác.

Tuy hình thành sau so với nghề và làng nghề truyền thống các tỉnh phía Bắc nhưng nghề, làng nghề, vùng nghề, phố nghề

truyền thống tại đất Quảng lại rất đa dạng, phong phú. Các làng nghề truyền thống xứ Quảng đã cho ra đời nhiều loại hình sản phẩm đa dạng về mẫu mã phục vụ đời sống nhân dân, thể hiện tâm hồn, vẻ đẹp bản sắc văn hóa dân tộc; tất cả các sản phẩm làm ra đều mang tính thẩm mỹ cao, phản ánh tư duy sáng tạo của con người tại vùng đất "chưa mưa đã thấm".

1.4. TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Trong chương 1, luận văn tập trung trình bày các cơ sở lý thuyết, các khái niệm cơ bản để làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu. Đồng thời, vì đề tài của luận văn là nghiên cứu nhóm "từ ngữ nghề bánh xứ Quảng" nên chúng tôi cũng giới thiệu khái quát về lịch sử hình thành và phát triển đất Quảng Nam - Đà Nẵng, cũng như điếm qua đôi nét về nghề, làng nghề truyền thống của xứ Quảng. Cơ sở lý thuyết này sẽ là yếu tố quan trọng, là kim chỉ nam định hướng cho việc triển khai các nội dung ở Chương 2 và Chương 3 của Luận văn.

CHƯƠNG 2

THỐNG KÊ VÀ PHÂN LOẠI LỚP TỪ NGỮ NGHỀ BÁNH XỨ QUẢNG

2.1. NGUYÊN TẮC THU THẬP VÀ PHÂN LOẠI

2.1.1. Nguyên tắc thu thập

Chúng tôi chủ yếu điều tra trên thực địa thông qua phỏng vấn những người có kinh nghiệm, đặc biệt là những bậc cao niên; quan sát và hỏi trực tiếp người dân về tên gọi các sản phẩm, các công cụ, hiện vật lưu giữ trong nhà của họ liên quan đến nghề bánh; quan sát quá trình sản xuất bánh.

Trong quá trình thu thập, để hạn chế thấp nhất việc thiếu sót ngữ liệu, đối với từng đối tượng được phỏng vấn, chúng tôi đưa ra

các câu hỏi: *Làm loại bánh này cần những nguyên vật liệu gì?; Làm bánh cần những công cụ gì?; Làm bánh gồm những thao tác và quy trình như thế nào?; Xứ Quảng có những sản phẩm bánh gì?; Những kinh nghiệm quan trọng để làm bánh là gì?* Những câu hỏi này cũng là cơ sở để chúng tôi phân loại từ ngữ nghề bánh theo tiêu chí chức năng ý nghĩa sau này. Đồng thời đây chính là cơ sở dữ liệu để chúng tôi đối chiếu, phân tích, miêu tả nhằm làm nổi bật các đơn vị từ vựng được khảo sát. Đối với các đơn vị đồng sở chỉ, chúng tôi vẫn xem chúng là những đơn vị từ vựng khác nhau trong hệ thống vì mỗi cách gọi tên sẽ thể hiện một điểm nhìn khác nhau về một loại sản phẩm.

2.1.2. Nguyên tắc phân loại

Chúng tôi tiến hành phân loại dựa trên một số tiêu chí sau:

(1) **Tiêu chí chức năng ý nghĩa:** gồm 5 nhóm chính: *I. Từ ngữ chỉ sản phẩm; II. Từ ngữ chỉ nguyên vật liệu sản xuất; III. Từ ngữ chỉ công cụ sản xuất; IV. Từ ngữ chỉ động tác và quy trình sản xuất; V. Từ ngữ chỉ tính chất sản phẩm.*

(2) **Tiêu chí thành tố cấu tạo:** căn cứ vào tiêu chí thành tố cấu tạo (số lượng, đặc điểm ngữ nghĩa, quan hệ giữa các thành tố), chúng tôi chia từ ngữ nghề bánh xứ Quảng thành: *Từ đơn; Từ ghép; Ngữ định danh.*

(3) **Tiêu chí từ loại:** căn cứ vào ý nghĩa khái quát, khả năng kết hợp và chức vụ cú pháp của từng từ ngữ, chúng tôi tiến hành phân loại lớp từ ngữ nghề bánh trên phương diện từ loại.

(4) **Tiêu chí nguồn gốc của từ:** Từ thuần Việt; Từ vay mượn.

(5) **Tiêu chí phạm vi sử dụng của từ:** Từ địa phương; Từ toàn dân.

2.2. KẾT QUẢ THU THẬP VÀ PHÂN LOẠI

Tổng số từ ngữ nghề bánh xứ Quảng mà chúng tôi thu thập

được là 489 đơn vị và được thống kê phân loại như sau:

2.2.1. Kết quả phân loại theo chức năng ý nghĩa

a. Kết quả

Qua khảo sát, chúng tôi có bảng thống kê sau:

Tiêu chí chức năng ý nghĩa	Số lượng (489)	Tỉ lệ (%)
I. Từ ngữ chỉ sản phẩm	32	6.5%
II. Từ ngữ chỉ nguyên vật liệu sản xuất	103	21.1%
III. Từ ngữ chỉ công cụ sản xuất	72	14.7%
IV. Từ ngữ chỉ động tác và quy trình sản xuất	240	49.1%
V. Từ ngữ chỉ tính chất sản phẩm	42	8.6%

b. Nhận xét

Nhìn vào bảng phân loại từ ngữ nghề bánh xức Quảng theo tiêu chí chức năng ý nghĩa, ta thấy *từ ngữ chỉ động tác và quy trình sản xuất* chiếm tỉ lệ cao nhất (49,1%). Đây cũng là điều dễ hiểu vì ở những nghề thủ công thì cần nhiều thao tác và đòi hỏi ở khâu xử lý thật tỉ mỉ để sản phẩm bánh được như ý muốn.

2.2.2. Kết quả phân loại theo cấu tạo

a. Kết quả

Tiêu chí cấu tạo	Số lượng (489)	Tỉ lệ (%)
Từ đơn	188	38.4%
Từ ghép	154	31.5%
Ngữ định danh	147	30.1%

b. Nhận xét

Trong tổng số 489 từ ngữ chỉ nghề bánh xức Quảng thì từ đơn có số lượng nhiều nhất với 188 từ, chiếm 38.4%. Trong số này thì từ chỉ cách thức và quy trình sản xuất chiếm con số cao nhất bởi vì

nghề làm bánh là một nghề thủ công, đòi hỏi phải qua một quá trình với rất nhiều công đoạn, nhiều thao tác. Chính nhóm từ ngữ này trực tiếp miêu tả quá trình tạo ra sản phẩm bánh. Bên cạnh đó, sở dĩ nhóm từ này còn phong phú vì có trường hợp nhiều từ đồng nghĩa nhưng đều cùng gọi tên một hoạt động; Tiếp đến là nhóm từ ghép chiếm số lượng nhiều thứ hai. Và cuối cùng là ngữ định danh, nó chủ yếu phân bố ở nhóm từ ngữ chỉ nguyên vật liệu và công cụ sản xuất.

2.2.3. Kết quả phân loại theo từ loại

a. Kết quả

Tiêu chí phân loại theo từ loại	Số lượng (489)	Tỉ lệ (%)
Từ đơn là danh từ	65	13.3%
Từ đơn là động từ	108	22.1%
Từ đơn là tính từ	15	3.0%
Từ ghép là danh từ	125	25.6%
Từ ghép là động từ	6	1.2%
Từ ghép là tính từ	23	4.7%
Ngữ danh từ	17	3.5%
Ngữ động từ	126	25.8%
Ngữ tính từ	4	0.8%

b. Nhận xét

Từ ngữ nghề bánh xứ Quảng trên phương diện từ loại có 3 loại từ chính là: *danh từ, động từ, tính từ* có cấu tạo hết sức chặt chẽ, một tiếng có thể tham gia cấu tạo nhiều đơn vị với những vai trò, chức năng khác nhau.

2.2.4. Kết quả phân loại theo nguồn gốc

a. Kết quả

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy hầu như từ ngữ nghề bánh

xứ Quảng đều là từ thuần Việt.

b. Nhận xét

Khi tìm hiểu vốn từ vựng chỉ nghề bánh xứ Quảng, chúng tôi nhận thấy rằng: hầu như các từ ngữ đều là từ thuần Việt. Đây cũng là đặc điểm chung của lớp từ nghề nghiệp. Điều này cho thấy rằng nghề bánh là nghề thủ công truyền thống từ lâu đời, làm bánh cũng là hoạt động mang tính văn hóa xã hội, đã tồn tại rất lâu trong cộng đồng. Vì vậy, từ xa xưa, người Việt đã có đủ từ ngữ để gọi tên mà không cần vay mượn các ngôn ngữ khác.

2.2.5. Kết quả phân loại theo phạm vi sử dụng

a. Kết quả

Trong 489 từ ngữ thu thập được, chúng tôi nhận thấy có 30 từ địa phương, chiếm tỉ lệ 6.1%; còn lại là 459 từ ngữ toàn dân, chiếm tỉ lệ 93.9%

b. Nhận xét

Có thể thấy trong một vốn từ chỉ nghề bao giờ cũng có các từ thuộc phương ngữ vùng đó. Mỗi quan hệ giữa từ ngữ nghề nghiệp với ngôn ngữ toàn dân là sự tương tác qua lại, đan xen và bổ sung lẫn nhau. Có những từ nghề nghiệp vốn có trong ngôn ngữ toàn dân, có những từ nghề nghiệp được sử dụng rộng rãi, lâu dần trở thành từ toàn dân. Xét cho cùng thì những từ nghề nghiệp vốn có trong ngôn ngữ toàn dân chính là những từ ban đầu có trong lớp từ chỉ nghề nghiệp.

2.3. TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Ở chương 2 này, chúng tôi đã tiến hành thống kê, phân loại từ ngữ nghề bánh xứ Quảng theo 5 tiêu chí: chức năng ý nghĩa, thành tố cấu tạo, từ loại, nguồn gốc và phạm vi sử dụng (được lập thành một bảng tổng hợp có trình bày ở chính văn).

CHƯƠNG 3

ĐẶC ĐIỂM NGŨ NGHĨA CỦA LỚP TỪ NGŨ

NGHỀ BÁNH XỨ QUẢNG

Nghề làm bánh ở xứ Quảng đã có từ rất lâu. Trong điều kiện có hạn, những số liệu chúng tôi khảo sát được sẽ không phải là con số thật đầy đủ. Ở đây, qua công tác điền dã, chúng tôi ghi lại những gì “mắt thấy tai nghe” khi tiếp xúc với một số gia đình được xem là làm bánh lâu năm ở các địa phương. Việc giải thích ý nghĩa nội dung của từ ngữ cũng dựa trên cơ sở sự hiểu biết của người dân, vì vậy sẽ có một số điều còn thiếu sự thống nhất. Tuy nhiên, chúng tôi cũng đã nỗ lực để tìm ra những con số và các cách lí giải về nghĩa của lớp từ này một cách đáng tin cậy.

3.1. TỪ NGŨ NGHỀ BÁNH XỨ QUẢNG Ở TRƯỜNG NGHĨA CHỈ NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ SẢN XUẤT

3.1.1. Nhóm từ ngữ chỉ nguyên liệu của nghề bánh

Đây là những từ ngữ chỉ về các vật liệu được chuẩn bị cho quá trình làm bánh, được phân thành hai loại: *Loại chưa được chế biến* và *loại đã được chế biến*.

a. Nhóm từ ngữ chỉ nguyên liệu là chất đốt

Trong nhóm này có 2 từ chỉ chất đốt để góp phần tạo ra sản phẩm bánh đó là: *than, củi*. Người ta chọn hai nguyên liệu này vì một lẽ đó là nó có thể dễ dàng điều chỉnh độ nóng của lửa (lúc cần giảm nhiệt thì chỉ cần lấy than, củi ra bớt), vừa giữ được hương liệu của bánh, làm cho bánh thơm ngon hơn.

b. Nhóm từ ngữ chỉ nguyên liệu thô chưa qua chế biến dùng để làm sản phẩm

Trong nhóm từ ngữ này có những nguyên liệu như: *chuoối sừ chín, củ sắn, đậu, đường, gạo, nếp, mè, gạo lứt, gạo lúa cang, khoai*

lang, nước, trứng gà, ... Đây là những nguyên liệu chính dùng để tạo ra các sản phẩm bánh xứ Quảng. Bên cạnh đó, còn có các nguyên liệu phụ trợ như: *chanh, dứa, giá, mỡ, tôm, thịt, gừng, chuối chát, dầu phụng, dầu thực vật, bột nghệ, dây cột, dây lạt, lá chuối, ...* là những thứ góp phần tạo nên những món bánh hoàn hảo. Ngoài ra còn có các gia vị: *muối, tiêu, tỏi, ...* Tất cả những nguyên liệu thô này đều là những thứ có sẵn, những thứ hết sức gần gũi với mọi người, nhưng qua bàn tay chế biến của những người thợ làm bánh nó đã tạo nên được những sản phẩm nổi tiếng, mang đậm chất văn hóa xứ Quảng.

c. Nhóm từ ngữ chỉ nguyên liệu đã qua chế biến dùng để làm sản phẩm

Bột, bột gạo, bột gạo tẻ là những nguyên liệu chính đã qua chế biến được dùng để làm nên các loại bánh. Ngoài những loại bột đó ra, người làm bánh đã kết hợp với những nguyên liệu phụ trợ và một số gia vị đã làm nên được rất nhiều sản phẩm bánh nổi tiếng của xứ Quảng.

3.1.2. Nhóm từ ngữ chỉ công cụ để sản xuất

Đây là những từ ngữ chỉ phương tiện, đồ dùng mà người làm bánh sử dụng gồm dụng cụ để ngâm ủ, để đựng, để gói bánh, để xử lý sau khi đã có thành phẩm. Ở đây tập hợp nhiều dụng cụ khác nhau phục vụ cho khâu làm nhiều loại bánh từ khi chuẩn bị đến hoàn thành. Những dụng cụ như (*nồi, chảo, muống, đũa, rổ, rá, thau, thớt, bếp ga, lò nướng, ...*) là những thứ đã trở nên hết sức quen thuộc với mọi người. Bên cạnh đó, có những từ ngữ thuộc phạm vi làm nghề như (*khung, nài, rây, xẻng, cây cán bột, cọ quét khuôn, phối trộn bột, tránh gác bánh, vành thông hơi, ...*) mà nếu không phải người trong nghề thì khó có thể hình dung được. Dù số lượng này rất ít nhưng nó cũng thể hiện đặc trưng riêng của nghề mình.

3.2. TỪ NGỮ NGHỀ BÁNH XÚ QUẢNG Ở TRƯỜNG NGHĨA CHỈ ĐỘNG TÁC VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Hoạt động, thao tác là nhóm từ ngữ có số lượng nhiều trong từ chỉ nghề bởi không có nghề nào lại không có thao tác làm việc, các hoạt động diễn ra trong khi làm việc.

So với các nhóm từ ngữ khác thì đây là nhóm có số lượng lớn nhất cho ta thấy quá trình bắt đầu đến hoàn thành là công phu, phức tạp. Những từ ngữ này miêu tả nhiều thao tác, công đoạn, kỹ thuật để có được sản phẩm bánh.

3.2.1. Nhóm từ ngữ chỉ động tác sản xuất

Án, bặt, bắt, bằm, bẻ, bỏ, bóc, bọc, bóp, bôi, cán, cạo, cắt, chà, chụm, châm, chùi, chứt, cột, cuộn, đâm, đập, đong, đổ, ép, gạn, gắp, giã, giần, gói, gỡ, khuấy, lau, lật, lờng, múc, nhào, nhấc, nhồi, quạt, quấy, quậy, quét, rắc, rây, sàng, sấy, tán, tét, thoa, thỏ, trộn, tước, xắt, xới, vo, vè, viên, ... là những từ chỉ hoạt động, động tác khi làm bánh. Ở nhóm từ ngữ này, có những từ ngữ khác nhau cùng chỉ một động tác. Điều này cho thấy có khi cùng hoạt động, sự vật nhưng lại được tri nhận khác nhau nên được định danh khác nhau.

3.2.2. Nhóm từ ngữ chỉ quy trình sản xuất

Trong quy trình sản xuất bao gồm nhiều thao tác, hoạt động. Có thể là thao tác khi xử lý nguyên vật liệu như: *chọn nếp, sàng, sấy, ngâm gạo, đãi đậu, vo gạo, ủ bột, bẻ lá, rửa, hái lá, bóc vỏ, lẩy bột, ...*; có thể là hoạt động khi làm bánh như: *gói, tráng, nấu, gạn, hong, hấp, ướp gia vị, ...*; có thể là thao tác xử lý sau khi đã có sản phẩm: *vót, chùi, đặt, xếp, đóng gói, ...* Mỗi công đoạn đòi hỏi người làm bánh cần phải lựa chọn, làm cho thật cẩn thận, “tâm huyết” thì mới có thể có được sản phẩm đạt yêu cầu như mong muốn.

3.3. TỪ NGỮ NGHỀ BÁNH XÚ QUẢNG Ở TRƯỜNG NGHĨA CHỈ SẢN PHẨM

Tên gọi bánh thể hiện sự tri nhận về thế giới. Đề tài này khảo sát các tổ hợp *bánh + x*, nhằm tìm ra những đặc điểm cấu tạo và cơ chế định danh của chúng. Dù quan niệm thế nào đi nữa thì các tổ hợp này cũng đạt một mức độ cố định rõ ràng và đều có chức năng định danh. Chẳng hạn, tổ hợp *bánh bèo* là bánh làm bằng gạo song nó lại có hình dáng và cách thức cấu tạo khác hẳn với các loại bánh cùng làm bằng gạo khác như: *bánh đúc*, *bánh hoa hồng trắng*, *bánh tráng*... Đó chính là tính đặc ngữ của tổ hợp *bánh bèo* và tổ hợp này được dùng để chỉ một loại bánh riêng biệt. Vì vậy, khi xem xét các tổ hợp kiểu *bánh + x*, ta có thể tìm ra cơ chế định danh cũng như đặc điểm cấu tạo và đặc trưng ngữ nghĩa của chúng.

3.3.1. Các phương thức định danh

Xét các từ gọi tên bánh trên bình diện đồng đại và lịch đại trong kết hợp bánh + x.

Xét về phương thức định danh lại có thể phân chia thành các loại nhỏ sau: *bánh + x*, trong đó *x* có yếu tố chỉ chất liệu; *x* có yếu tố chỉ hình dáng; *x* có yếu tố chỉ cách thức làm bánh; *x* có yếu tố chỉ cách thức dùng bánh; *x* có yếu tố chỉ tính chất của bánh.

Ở mỗi tên gọi chỉ một sự vật thuộc từng tiểu loại, người Quảng thường sử dụng một yếu tố mang nét khu biệt để ghép vào yếu tố gốc chỉ loại lớn. Trong trường hợp nếu một nét đặc trưng mà vẫn chưa đủ khu biệt thì người ta dùng đến hai yếu tố. Ví dụ: *bánh chuối háp* (yếu tố gốc + chất liệu + cách thức sản xuất). Nội hàm càng mở rộng thì ngoại diện càng thu hẹp, tính khu biệt càng cao hơn. Mỗi tên gọi là một sự tri nhận về sản phẩm. Điều này phải chăng đã thể hiện cách nhìn nhận mọi vấn đề đến "tận bờ sát góc" của người xứ Quảng!

Vốn từ ngữ này càng phong phú bao nhiêu càng thể hiện tình cảm gắn bó, say mê của con người với đối tượng mà họ tri nhận bấy nhiêu.

3.3.2. Khảo sát ngữ nghĩa của từ gọi tên sản phẩm

Mỗi tên gọi sản phẩm, như đã nói ở trên, là một cách tri nhận. Chúng tôi lần lượt lí giải các tên gọi này trên bình diện ngữ nghĩa.

3.4. TỪ NGỮ NGHỀ BÁNH XỨ QUẢNG Ở TRƯỜNG NGHĨA CHỈ KINH NGHIỆM SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN GIAN

Kinh nghiệm luôn là điều cần thiết trong muôn mặt của cuộc sống, nó càng quan trọng trong hoạt động sản xuất của con người, đặc biệt là các nghề thủ công, vốn chủ yếu phụ thuộc vào sự khéo léo và sức sáng tạo của người thợ. Kinh nghiệm, dù thuộc lĩnh vực nào, cũng được lưu giữ và trao truyền bằng một phương tiện hết sức quan trọng: *ngôn ngữ*. Từ ngữ nghề nghiệp, vì thế, luôn chứa đựng những kinh nghiệm, tri thức của chủ thể sử dụng nó, mà từ ngữ nghề bánh xứ Quảng cũng không phải là ngoại lệ. Tuy nhiên, các từ ngữ ở trường nghĩa chỉ kinh nghiệm sản xuất và đời sống dân gian mà chúng tôi đang đề cập ở đây, mang một nội hàm hẹp hơn. Chúng chỉ được hiểu là những từ ngữ liên quan trực tiếp đến những biểu hiện tốt/xấu của sản phẩm, nên/không nên trong quá trình sản xuất được người dân xứ Quảng nhận diện, đánh giá.

3.4.1. Về nhóm danh từ, ngữ danh từ

Trong vốn từ ngữ chúng tôi sưu tầm được, có những từ ngữ như: *bánh tét, bánh tổ, tuần hương, lá chuối, cây mè, dầu phụng, sợi lát, ...* thể hiện kinh nghiệm sản xuất và đời sống văn hóa dân gian của người làm bánh.

Có thể phân tích một vài từ ngữ sau để làm ví dụ:

- *Tuần hương*: Đây là cách người dân Quảng Nam khi xưa sử

dụng khi làm một số loại bánh như bánh tổ, bánh ú tro,... Để có những chiếc bánh không sống, kinh nghiệm mà nhiều người Hội An thường truyền nhau là khi nước sôi thì thả một cây hương, đến khi hương tàn thì chín bánh. Sở dĩ có chuyện này vì thời xưa một phần do không có đồng hồ để tính thời gian nên người làm bánh mới dùng đến những lượt thả hương để đo đếm thời gian, nhưng thiết nghĩ một phần nữa là còn có yếu tố tâm linh trong đó.

- *Bột nghệ*: là một trong những nguyên liệu phụ gia cho món bánh xèo, người ta đã dùng loại bột này để tạo màu cho sản phẩm bánh này chứ không dùng bột màu thực phẩm bởi vì họ thấy được loại bột này tốt cho sức khỏe con người thay vì dùng những phẩm màu nhân tạo khác. Đây cũng là một trong những yếu tố cho thấy người làm bánh đã rất thận trọng, khéo léo khi chọn những nguyên vật liệu cho những sản phẩm bánh của mình.

- *Cây mè*: đây là một trong số những nguyên liệu dùng để làm bánh ú tro. Sở dĩ người làm bánh chọn thân cây mè để đốt làm tro chứ không phải tất cả các loại cây thông thường khác đều dùng được vì than của loại cây này không độc hại, không ảnh hưởng đến sức khỏe của người ăn loại bánh đó.

3.4.2 Về nhóm động từ, tính từ, ngữ động từ, ngữ tính từ

Chọn nếp, bung nếp, chiên bánh, gói bánh, hong đậu, thắng đường, rải mè, rang bột, tráng bánh, lấy trùng,... đều là những từ chỉ hoạt động, thao tác trong khâu làm bánh. Nhưng ở mỗi loại bánh, đòi hỏi những nét riêng.

Cay, đẹt, nở, xốp, giòn, giòn rụm, lỏng trùng, đặc trùng... là những từ chỉ tính chất liên quan đến từ ngữ nghề bánh.

Có thể phân tích một vài từ ngữ sau để làm ví dụ:

- *Lấy trùng*: là tính toán để bột đường khi đã trở thành bánh

thì không bị đặc (đặc trùng), không bị nhão (lỏng trùng). Đây là kỹ thuật để bánh trông ngon, bắt mắt.

- *Thắng đường*: là một trong những khâu quan trọng khi làm các loại bánh như: bánh rom, bánh tổ, bánh lăn, bánh in,... nhưng đặc biệt nhất là bánh khô mè. Để có chiếc bánh ngon, đạt tiêu chuẩn thì giai đoạn thắng đường là một bí quyết để bánh khi ăn, bẻ ra thấy có tơ. Ngày trước người ta dùng đường bát để thắng, bây giờ người tiêu dùng thích màu trắng của bánh, nên dùng đường cát. Bánh khô trần, nếu muốn để lâu phải nướng lại, sau đó dùng đũa gấp bánh nhúng (tắm) xuống dung dịch đường đã thắng tới.

- *Đẹt, nở*: khi làm bánh thuận, người làm bánh rất kiêng kỵ cho người ngoài nhìn vào. Đặc biệt họ rất coi trọng người nặng vía, nhẹ vía. Họ cho rằng nếu người nặng vía nhìn vào lúc họ làm bánh thì bánh sẽ bị đẹt, không nở, làm hỏng bánh.

- *Giòn*: Đây là yêu cầu chính trong món bánh đúc. Muốn có được bánh ngon giòn thì theo kinh nghiệm khi gạo tẻ đã mịn, đem gạo hòa với nước sôi trong.

3.5. TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Phân tích đặc điểm từ ngữ nghề bánh xứ Quảng trong mối quan hệ với văn hóa, chúng ta cũng thấy rằng, từ ngữ nghề nghiệp không chỉ là một “phép tốc ký bằng lời nói” nhằm dễ dàng truyền đạt thông điệp cho nhau khi cần cộng tác, giúp đỡ, điều hành công việc hoặc truyền nghề. Nó còn là một tập hợp tín hiệu giúp nhận biết tư cách thành viên của mỗi người trong cộng đồng, thông qua sự am hiểu, tuân thủ của người đó về những quy tắc ứng xử trong lời nói, trong giao tiếp. Với chức năng này, *từ ngữ nghề nghiệp* có đời sống khá lâu bền, gắn liền với sức sống của ngành nghề, thậm chí, nó vẫn sống kể cả khi nghề đã mất. Quan trọng hơn, do được xây dựng dựa

trên nền tảng bản ngữ nên *từ ngữ nghề nghiệp* phản ánh tư duy, đặc tính của từng dân tộc, từng cộng đồng. Lần tìm những giá trị văn hóa trong các ngành nghề truyền thống thông qua các tín hiệu ngôn ngữ, vì vậy, cũng là một phương cách tiếp cận có hiệu quả.

KẾT LUẬN

Từ nghề nghiệp có thể được xem như là một hình ảnh thu nhỏ của quá trình sản sinh ngôn ngữ của một cộng đồng người. Xuất phát từ nhu cầu thực tế của lao động sản xuất đến nhu cầu nhận thức và phản ánh thế giới, dần dần hình thành ngôn ngữ và mọi người sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp. Như Ăng-ghe-nh cũng đã nhận định: *quá trình hình thành ngôn ngữ của loài người bắt đầu từ lao động và cùng với lao động là ngôn ngữ ra đời.*

Thực hiện đề tài: “*Đặc điểm từ ngữ nghề bánh xír Quảng*”, chúng tôi mong muốn đóng góp một phần nhỏ vào việc nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp nói chung và từ ngữ nghề bánh nói riêng. Qua quá trình thu thập, phân loại, tìm hiểu đặc điểm cấu tạo cũng như về phương diện ngữ nghĩa chúng tôi có thể đưa ra các kết luận như sau:

Với 489 đơn vị từ ngữ nghề bánh xír Quảng được thống kê, chúng tôi nhận thấy chiếm số lượng nhiều nhất là nhóm từ chỉ cách thức quy trình: 240, nhóm từ chỉ trạng thái tính chất: 42, nhóm từ chỉ nguyên vật liệu: 103, nhóm từ chỉ dụng cụ: 72 và nhóm từ chỉ sản phẩm: 32. Có thể nói từ ngữ nghề bánh xír Quảng là nhóm từ phương ngữ xã hội tiếng Việt.

Xét về nguồn gốc, từ chỉ nghề bánh có nguồn gốc hầu như là từ thuần Việt bao gồm từ toàn dân và từ địa phương.

Về phương diện cấu tạo, vốn từ chỉ nghề bánh có hai loại: từ và ngữ. Trong đó từ chiếm số lượng nhiều hơn: 342, ngữ chiếm 147,

từ gọi bao quát chung cho sự vật, hiện tượng. Còn ngữ phần nhiều là sự cụ thể hóa từng đối tượng phản ánh.

Về phương diện phản ánh, vốn từ chỉ nghề bánh có phạm vi phản ánh khá phong phú các hoạt động sản xuất bánh của người xứ Quảng. Nó bao gồm các phương diện: từ chỉ hoạt động, từ chỉ sự vật hiện tượng, từ chỉ đặc điểm tính chất. Những phương diện này hầu như đều phản ánh chân thực, bám sát vào đời sống lao động của người dân làng nghề, đặc biệt nó trung hòa về thái độ tình cảm.

Về mặt ngữ nghĩa, xuất phát từ lí thuyết trường từ vựng ngữ nghĩa, chúng tôi quan niệm toàn bộ từ ngữ nghề bánh xứ Quảng là một tập hợp từ vựng có quan hệ với nhau về nghĩa cơ bản. Tập hợp từ vựng này được phân thành các tiểu trường, các phạm trù dựa trên việc phân chia các khái niệm biểu thị các sự vật, hiện tượng, quá trình trong đời sống nghề nghiệp của người bản địa:

- Trường nghĩa biểu thị nguyên vật liệu và công cụ sản xuất
- Trường nghĩa chỉ động tác và quy trình sản xuất
- Trường nghĩa chỉ sản phẩm: nhóm từ vựng này phản ánh sự phong phú của sản phẩm nghề bánh xứ Quảng cũng như sự sáng tạo độc đáo của người địa phương khi định danh sự vật. Có thể thấy các kiểu định danh cơ bản: định danh theo chất liệu của vật; định danh theo hình dáng bên ngoài của vật; định danh theo mục đích, công dụng của vật; định danh theo tính chất của vật; định danh theo nguồn gốc xuất xứ của vật.

- Trường nghĩa chỉ kinh nghiệm sản xuất và đời sống dân gian.

Sự phân chia từ ngữ nghề bánh xứ Quảng thành các trường nghĩa chỉ mang tính tương đối. Thực ra một từ có thể thuộc phạm trù này cũng có thể xếp vào trường nghĩa khác. Ranh giới giữa các

trường nghĩa không phải lúc nào cũng rạch ròi mà luôn có sự giao thoa, có thể thu hẹp hoặc mở rộng.

Từ những phân tích về đặc điểm của từ ngữ nghề bánh xứ Quảng, chúng tôi về cơ bản đã thực hiện được những mục tiêu mà đề tài đã đặt ra, góp phần chỉ rõ những sáng tạo của người địa phương trong quá trình định danh các sự vật. Đặc biệt, trong quá trình phân loại và phân tích lớp từ vựng này theo từng trường nghĩa, từng nhóm chức năng ý nghĩa, chúng tôi cũng đã góp phần hệ thống hóa tri thức nghề bánh xứ Quảng bằng ngôn từ cũng như ít nhiều chỉ ra dấu ấn văn hóa vật chất và tinh thần của cư dân nơi đây trong quá khứ.

Xét về khía cạnh văn hóa, từ ngữ nghề bánh đã phản ánh được phần nào nét văn hóa của người dân Quảng Nam - Đà Nẵng. Đó là những biểu hiện về lời ăn tiếng nói, về tâm tư tình cảm của người làm bánh. Họ là những người không chỉ làm ra những sản phẩm vật chất mà còn sáng tạo ra những giá trị văn hóa tinh thần. Chiếc bánh không còn chỉ là những món ăn đơn thuần mà nó đã trở thành sản phẩm giao lưu trao đổi giữa con người trên mọi miền đất nước. Đặc biệt, hình ảnh những chiếc bánh đã đi sâu vào tâm thức của mỗi người nhất là những người con xa xứ vào mỗi độ xuân về. Đó là cái hồn quê còn đọng lại trong lòng của mỗi con người. Và chúng tôi tin chắc rằng nghề này sẽ mãi mãi không bao giờ bị mất đi.